

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH
Số: 08/2024/QĐST-LĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Thái Bình, ngày 18 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Phụng

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST-LĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2024/QĐST-LĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Công ty TNHH S (tên cũ là: Công ty TNHH S1; Doanh nghiệp tư nhân S1); Địa chỉ - Chi nhánh tại Thái Bình: Lô D, Khu công nghiệp N, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

2.2. Công ty TNHH S2; Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp N, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2.3. Bảo hiểm xã hội tỉnh T; Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

2.4. Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/10/1980. Nơi cư trú: Thôn V, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị L, chị T1, người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội tỉnh T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; người đại diện của các công ty S và Sky Power vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Tháng 12/2016, chị Nguyễn Thị L ký hợp đồng lao động với Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân S3 tại Thái Bình (ngày 29/3/2017 thay đổi thành: Chi nhánh Công ty TNHH S1 tại Thái Bình; từ ngày 06/10/2023 đến nay, thay đổi thành: Công ty TNHH S – Chi nhánh T2). Công việc chính của chị L là công nhân in. Chị L không lưu giữ được hợp đồng lao động nên không xuất trình được cho Tòa án. Chị L làm việc tại công ty TNHH S1 đến hết tháng 5/2017 thì chuyển sang ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2 từ tháng 06/2017 đến hết tháng 7/2017. Tại thời gian này sổ bảo hiểm xã hội của chị L lấy tên là: Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/10/1980; CMND 151524428; số sổ BHXH: 3416067877.

Trong thời gian thực hiện 02 hợp đồng lao động nêu trên (từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017), chị L là người trực tiếp làm việc và tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội nhưng dưới họ tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/10/1980 (là thông tin họ tên và ngày tháng năm sinh của em gái chị L). Việc dùng giấy tờ (chứng minh nhân dân) của chị Nguyễn Thị T1 cũng như thông tin nhân thân của chị T1 để tham gia lao động và tham gia bảo hiểm là do chị L không hiểu biết pháp luật.

Từ tháng 9/2017 đến tháng 12/2020 chị L vẫn tham gia lao động (làm công nhân in) và đóng bảo hiểm xã hội tại công ty TNHH S2, địa chỉ nêu trên. Số sổ BHXH: 3421681207, nhưng đã lấy đúng họ tên là Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/9/1973; Căn cước số: 034173004828.

Từ tháng 01/2021 chị L chuyển sang làm việc tại Công ty TNHH K, địa chỉ tại: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Chị tiếp tục làm việc là công nhân in và đóng bảo hiểm xã hội, số sổ bảo hiểm: 3421681207, mang tên Nguyễn Thị L cho đến nay.

Chị L khẳng định chị mới là người ký hợp đồng lao động và làm việc tại Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân S3 tại Thái Bình (ngày 29/3/2017 thay đổi thành: Chi nhánh Công ty TNHH S1 tại Thái Bình; từ ngày 06/10/2023 đến nay, thay đổi thành: Công ty TNHH S – Chi nhánh T2) và Công ty TNHH S2 trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017. Còn em gái chị là chị Nguyễn Thị T1 chưa từng làm việc tại 02 công ty trên. Từ năm 2007 đến nay chị Nguyễn Thị T1 làm việc tại công ty TNHH M, địa chỉ: K đường A, phường P, thành phố T và tham gia BHXH từ năm 2007 đến nay; số sổ

BHXX: 2607010030, họ và tên: Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/10/1980; số chứng minh nhân dân: 151524428.

Do đó chị Nguyễn Thị Lành n Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị L (lấy tên trên hồ sơ lao động và sổ Bảo hiểm xã hội là Nguyễn Thị T1) và Chi nhánh Công ty TNHH S1 tại Thái Bình (tên cũ: Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân S3 tại Thái Bình) trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017; Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị L (lấy tên trên hồ sơ là Nguyễn Thị T1) với Công ty TNHH S2 trong thời gian từ tháng 06/2017 đến tháng 7/2017 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các công ty:* Công ty TNHH S (tên cũ là: Công ty TNHH S1; Doanh nghiệp tư nhân S1); Công ty TNHH S2; cùng có địa chỉ tại: Lô D, Khu công nghiệp N, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình: Không tiến hành làm việc được và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Toà án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội (BHXX) tỉnh Thái Bình trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/10/1980, mã số BHXX 3416067877, có thời gian đóng BHXX, BHYT, BHTN là 08 tháng. Trong đó: 06 tháng (từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017) tại Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân S1 và 02 tháng (từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2017) tại Công ty TNHH Sky Power do BHXX thành phố S2 quản lý thu. Tổng số tiền BHXX, BHYT, BHTN đã đóng là 7.967.220 đồng, trong đó người sử dụng lao động (SDLĐ) đóng 5.383.170 đồng, người lao động (NLĐ) đóng 2.584.050 đồng.

Bảo hiểm xã hội tỉnh T không có hồ sơ tham gia cũng như không thu BHXX thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017 đối với chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, địa chỉ thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Việc chị Nguyễn Thị L trình bày mượn hồ sơ của chị Nguyễn Thị T1 để giao kết HĐLĐ và đóng BHXX, BHYT, BHTN; nay chị Nguyễn Thị L đề nghị TAND thành phố tuyên bố HĐLĐ ký kết giữa chị Nguyễn Thị L (bằng tên của chị Nguyễn Thị T1) với Chi nhánh Doanh nghiệp TNSX và S1 và Công ty TNHH S2 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017 vô hiệu. BHXX tỉnh T đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thái Bình xử lý theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Tháng 12/2016, chị Nguyễn Thị L (là chị ruột của chị) ký hợp đồng lao động với công ty TNHH S1, tháng 6/2017 chị L tiếp tục ký hợp đồng lao động với công ty TNHH S2; cùng địa chỉ: Lô D, khu công nghiệp N, thành phố T, tỉnh Thái Bình, công việc chính là công nhân in. Tuy nhiên thời điểm ký hợp đồng, do không hiểu biết pháp luật nên chị L có mượn giấy tờ (chứng minh nhân dân) của chị và lấy thông tin cá nhân của chị là Nguyễn Thị T1, sinh ngày

20/10/1980, thường trú tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình để ký hợp đồng lao động. Do đó trên hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm xã hội thời gian này mang tên là Nguyễn Thị T1 nhưng thực tế chị gái chị (Nguyễn Thị L) mới là người ký kết hợp đồng và làm việc tại 02 công ty nêu trên, sổ bảo hiểm xã hội chị L đóng trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017 mang tên chị là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/10/1980; CMND 151524428. Chị T1 khẳng định chị chưa từng có thời gian nào làm việc tại công ty TNHH S1 và công ty TNHH S2.

Thực tế, trong thời gian từ năm 2007 đến nay, chị Nguyễn Thị T1 chỉ làm việc duy nhất tại công ty TNHH M, địa chỉ: K đường A, phường P, thành phố T; tôi tham gia BHXH, số sổ BHXH: 2607010030, họ và tên: Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/10/1980; số chứng minh nhân dân: 151524428.

Do có thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội (đều mang tên chị Nguyễn Thị T1). Nay chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị L (mang tên trên hợp đồng và sổ bảo hiểm là Nguyễn Thị T1) và công ty TNHH S1, công ty TNHH S2 trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, chị T1 hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 17, Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị L (lấy tên trên hồ sơ lao động và sổ Bảo hiểm xã hội là Nguyễn Thị T1) và Chi nhánh Công ty TNHH S1 tại Thái Bình (tên cũ: Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân S3 tại Thái Bình) trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017; Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị L (lấy tên trên hồ sơ là Nguyễn Thị T1) với Công ty TNHH S2 trong thời gian từ tháng 06/2017 đến tháng 7/2017 là vô hiệu. Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thời hiệu yêu cầu: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty TNHH S1 tại Thái Bình (tên cũ: Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân S3 tại Thái Bình) trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017 và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S2 trong thời gian từ tháng 06/2017 đến tháng 7/2017; các công ty này đều có địa chỉ trụ sở hoặc chi nhánh tại thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Về thời hiệu yêu cầu: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị (Hợp đồng mang tên Nguyễn Thị T1) và 02 Công ty nêu trên trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017 vô hiệu do bị lừa dối (vi phạm nguyên tắc trung thực). Theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu là 02 năm kể từ ngày bị lừa dối hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị lừa dối. Tuy nhiên do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên yêu cầu của chị L không bị coi là hết thời hiệu yêu cầu.

[2] Xét thấy việc chị Nguyễn Thị L mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị T1 để lần lượt ký hợp đồng lao động với hai công ty liên quan là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Nguyễn Thị L là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Nguyễn Thị L (lấy tên trên hồ sơ lao động và sổ Bảo hiểm xã hội là Nguyễn Thị T1) và Chi nhánh Công ty TNHH S1 tại Thái Bình (tên cũ: Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân S3 tại Thái Bình) trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017; Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị L (lấy tên trên hồ sơ là Nguyễn Thị T1) với Công ty TNHH S2 trong thời gian từ tháng 06/2017 đến tháng 7/2017 là vô hiệu.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị L (hồ sơ mượn tên chị Nguyễn Thị T1) với hai Công ty nhưng trên thực tế chị L có làm việc tại 02 công ty trong thời gian kể trên, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc hai công ty có đóng bảo hiểm cho chị L (mang tên chị Nguyễn Thị T1, mã số BHXH 3416067877). Do vậy chị L, chị T1 có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin BHXH từ Nguyễn Thị T1 thành Nguyễn Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17, Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 16, Điều 19, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L.
2. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị L (lấy tên trên hồ sơ lao động và sổ Bảo hiểm xã hội là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20/10/1980) và Chi nhánh Công ty TNHH S1 tại Thái Bình (*tên cũ: Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân S3 tại Thái Bình; tên hiện nay là: Chi nhánh Công ty TNHH S tại Thái Bình*) trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017; Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị L (lấy tên trên hồ sơ là Nguyễn Thị T1) với Công ty TNHH S2 trong thời gian từ tháng 06/2017 đến tháng 7/2017 là vô hiệu.
2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền (Bảo hiểm xã hội tỉnh T) để được điều chỉnh thông tin và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của C thì đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án hành chính khác.
3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001287 ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.
4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị T1, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình, các công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**LÊ THỊ PHƯỢNG**

